

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 62/2019/HS-ST  
Ngày 12/8/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kim Đính;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Trọng Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa là ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.**

Ngày 12/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2019/TLST-HS ngày 18/7/2019; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HS ngày 26/7/2019, đối với bị cáo:

Lương Quốc M, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1992; nơi sinh tại Đồng Nai;

Nơi đăng ký thường trú tại ấp 1, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; con ông Lương Văn V và con bà Chế Sám M1(Chê Sám M1); vợ: Đinh Thị L; có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Điều tra truy nã, bị tạm giam ngày 18/02/2019.

\* Bị hại: Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1992; địa chỉ tại ấp 2, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 (cùng nơi cư trú với bị hại);

- Bà Chế Sám M1, sinh năm 1955 (cùng nơi cư trú với bị cáo).

*(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/01/2010 bị cáo đến nhà ông Bùi Thanh S tham gia ngày cưới của gia đình ông S tổ chức tại ấp 2, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo đang ngồi với ông Phạm Văn H là anh rể của bị cáo trong nhà ông Sơn thì bị hại Nguyễn Văn L gọi bị cáo ra bên ngoài nhà ông S nói chuyện nhưng bị cáo không đồng ý và bị hại dùng tay nắm cổ áo bị cáo lôi kéo đi nhưng bị cáo không đi, ông H đã can ngăn, nói chuyện với bị hại.

Bực tức hành vi của bị hại nắm cổ áo, bị cáo nhìn thấy trong tiệc cưới có 01 dao Thái Lan thì bị cáo cầm ngay dao đi ra cổng tìm bị hại đâm 01 dao vào bụng bị hại. Sau khi đâm bị hại, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 18/02/2019 bị cáo ra đầu thú.

Bản giám định pháp y số 0410/GDPY/2010 ngày 06/5/2010 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyễn Văn L bị thương tích vết thương vùng bụng do vật sắc nhọn gây thấu bụng. Tỷ lệ thương tật toàn bộ là 35% tạm thời.

Vật chứng của vụ án: 01 dao trên bị cáo đã ném bỏ nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Mẹ của bị cáo là bà Chế Sám M1 đã đến nhà gia đình bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong với bên bị hại 9.000.000 đồng. Đến nay bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nữa.

Cáo trạng số: 72/CT-VKSTP ngày 17/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai quyết định truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau:

Bị cáo trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, lời khai của bị cáo phù hợp với bị hại nên Cáo trạng truy tố đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên quyết định truy tố; bị cáo không tiền án - tiền sự, thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134 và b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Lương Quốc M phạm tội “Cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

\* Bị cáo trình bày ý kiến: Bị cáo có dùng dao đâm bị hại như nội dung của bản Cáo trạng là đúng sự thật, bị cáo và người bị hại không có mâu thuẫn trước khi đến nhà ông S, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện TP, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phù hợp pháp luật.

Bị hại và các đương sự trong vụ án không đến tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử có thể công bố lời khai của họ để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến không hoãn phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

Bị cáo trình bày ý kiến về hành vi thực hiện tội phạm phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử kiểm tra tại phiên tòa, như lời khai của bị hại, kết luận giám định, bị cáo dùng dao đâm bị hại thời điểm vào năm 2010. Đây là các chứng cứ chứng minh bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 tương ứng với điểm a khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát quyết định truy tố bị cáo là đúng pháp luật về tội danh và phù hợp với Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là áp dụng pháp luật có lợi cho

bị cáo. Tuy nhiên, Viện kiểm sát chỉ nêu quy định của luật là theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không có điểm a khoản 1 của điều luật này về tình tiết định khung hình phạt (dùng hung khí nguy hiểm) là chưa đúng với quy định của Điều 243 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

\* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm, dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm bị hại làm tổn hại sức khỏe 35%. Bị cáo bất tuân pháp luật, Cơ quan Cảnh sát Điều tra quyết định truy nã bị cáo qua một thời gian dài vẫn không thấy bị cáo ra đầu thú, bị cáo dùng dao đâm người bị hại là có thể xâm phạm đến tính mạng con người, ý thức của bị cáo không tôn trọng thân thể, tính mạng người khác, tự giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, vụ án xảy ra làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội. Khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để bị cáo có thời gian học tập trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo thành khẩn khai báo; mẹ của bị cáo đã bồi thường thiệt hại đối với bên bị hại xong; bị cáo không có tiền án, tiền sự, đã ra đầu thú, ngày phạm tội là người chưa thành niên; bị hại cũng có lỗi làm tinh thần bị cáo bị kích động, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 tương ứng với điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

So sánh quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì không có nội dung mới quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi đối với bị cáo để áp dụng giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án là phù hợp với Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy không có đến hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo đề nghị của Kiểm sát viên, luận tội của kiểm sát viên cũng không đề nghị áp dụng Bộ luật Hình sự về nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội, đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 là vi phạm Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, đồng thời góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3] Đến nay vật chứng của vụ án không thu giữ được, về trách nhiệm dân sự thì bị hại không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp với

chứng cứ vụ án, quy định của luật. Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 41/2017/UBTVQH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Lương Quốc M phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Xử phạt: Lương Quốc M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2019.

\* Vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

\* Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

\* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

#### **Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng (có quyền nhận Bản án);
- Công an huyện TP (2);
- VKSND huyện TP, VKSND tỉnh ĐN (2).
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện TP;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo  
{để thay thông báo kết quả xét xử};
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Kim Đính**